

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/ KDTM-ST
Ngày: 15/11/2023
“ V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

2. Ông Lê Như Nghi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số: 21/2023/TLST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2023 về “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST- KDTM ngày 30 tháng 10 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện T giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng T – Chi nhánh P.

Địa chỉ: 355 – 357 Nguyễn H, phường 5, TP T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền:

+Anh **Trần Bùi Quốc H**, sinh năm 1990 – Chức vụ: Giám đốc HDBank PGD T. Vắng mặt.

+Anh **Lê Chí T**, sinh năm 1989 – Chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân – Ngân hàng T– Chi nhánh P – Phòng giao dịch T. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Vợ chồng anh Võ T1, sinh năm 1970, chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1967.

Cư trú: Thôn D, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2023 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng T – Chi nhánh P anh Lê Chí T trình bày: Ngày 20/10/2021 vợ chồng anh T1, chị H có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng H – Chi nhánh P số tiền 300.000.000 đồng (thời hạn vay là 12 tháng), phía bị đơn đã thanh toán xong; Tiếp đến ngày 22/6/2022 phía bị đơn có vay của Ngân hàng 300.000.000 đồng, lãi suất được ghi cụ thể trên giấy đề nghị giải

ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 23838/21 ngày 22/6/2022, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động (thời hạn vay theo giấy đề nghị giải ngân là 08 tháng).

Để đảm bảo cho khoản vay phía bị đơn có thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G085192, do UBND huyện T cấp ngày 24/5/1997 số thửa 396C, tờ 08, diện tích 200m² đất ở tại địa chỉ: Diêm Đ, An N, Tuy A, Phú Yên (theo hợp đồng thế chấp số: 23838/21MB/HĐBĐ ngày 20/10/2021). Tuy nhiên, quá trình sử dụng vốn vay, vợ chồng anh T1, chị H có trả dần 24 đồng tiền gốc và 71.816 đồng tiền lãi trong hạn. Hiện nay vợ chồng anh T1, chị H còn nợ phía Ngân hàng 299.999.976 đồng tiền gốc, tiền lãi trong hạn 6.002.156 đồng và tiền lãi quá hạn đến ngày 15/11/2023 là 46.349.742 đồng, tổng cộng: **352.351.874** đồng. Nay tôi yêu cầu vợ chồng bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho phía Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi nêu trên, trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tôi yêu cầu tiến hành phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

***Bị đơn vợ chồng anh T1, chị H trình bày như sau:**

Vợ chồng tôi thừa nhận vào ngày 20/10/2021 có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng H – Chi Nhánh P số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, vợ chồng tôi đã thanh toán xong cho ngân hàng khoản nợ trên; Tiếp đến ngày 22/6/2022 vợ chồng tôi có vay tiếp của Ngân hàng H – Chi Nhánh P 300.000.000 đồng (thời hạn vay theo giấy đề nghị giải ngân là 08 tháng) và có thế chấp tài sản bảo đảm như phía Ngân hàng trình bày là đúng. Quá trình sử dụng vốn vay, vợ chồng tôi có trả dần 24 đồng tiền gốc và 71.816 đồng tiền lãi trong hạn. Hiện nay vợ chồng tôi còn nợ phía Ngân hàng 299.999.976 đồng tiền gốc, tiền lãi trong hạn 6.002.156 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 15/11/2023 là 46.349.742 đồng, tổng cộng: **352.351.874** đồng. Nay vợ chồng tôi cam kết sẽ bán nhà và có nghĩa vụ trả nợ cho phía Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng quy định pháp luật; nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quy định pháp luật. Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ cơ sở để đưa vụ án ra xem xét giải quyết. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là **352.351.874** đồng. Trường hợp vợ chồng anh T1, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát Triển T– Chi nhánh P có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 23838/21MB/HĐBĐ ngày 20/10/2021 để thu hồi nợ; Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí, bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 20/10/2021 vợ chồng anh T1, chị H cư trú tại: Diêm Đ, An Ninh T, Tuy A, Phú Yên có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng H– Chi nhánh P. Đây là tranh chấp phát sinh giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T

[2]. Về nội dung tranh chấp: Ngày 20/10/2021 vợ chồng anh T1, chị H có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng H – Chi nhánh P số tiền 300.000.000 đồng (thời hạn vay là 12 tháng), vợ chồng bị đơn đã thanh toán cho ngân hàng xong; Ngày 22/6/2022 bị đơn vợ chồng anh T1, chị H tiếp tục vay của Ngân hàng 300.000.000 đồng, lãi suất được ghi cụ thể trên giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 23838/21 ngày 22/6/2022, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động (thời hạn vay theo giấy đề nghị giải ngân là 08 tháng). Để đảm bảo cho khoản vay phía bị đơn có thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G085192, do UBND huyện T cấp ngày 24/5/1997 số thửa 396C, tờ 08, diện tích 200m² đất ở tại địa chỉ: Diêm Đ, An Ninh T, Tuy A, Phú Yên. Quá trình sử dụng vốn vay, vợ chồng bị đơn có trả dần 24 đồng tiền gốc và 71.816 đồng tiền lãi trong hạn. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho phía Ngân hàng 299.999.976 đồng tiền gốc, tiền lãi trong hạn 6.002.156 đồng và tiền lãi quá hạn đến ngày 15/11/2023 là 46.349.742 đồng, tổng cộng: **352.351.874** đồng; Bị đơn vợ chồng anh T1, chị H thừa nhận hiện nay còn nợ phía Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng **352.351.874** đồng, và cam kết sẽ bán nhà sau đó sẽ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi nêu trên.

[3].HĐXX nhận định: Căn cứ hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 23838/21 ngày 22/6/2022 và sự thừa nhận của các bên đương sự, đây là chứng cứ của vụ án theo quy định tại điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, lãi hàng tháng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng anh T1, chị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP P – Chi nhánh P **352.351.874** đồng, (trong đó 299.999.976 đồng tiền gốc, 6.002.156 đồng tiền lãi trong hạn và 46.349.742 đồng).

Trường hợp vợ chồng anh T1, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát Triển T – Chi nhánh P có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 23838/21MB/HĐBĐ ngày 20/10/2021 để thu hồi nợ.

[4].Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng 2.000.000 đồng nên cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền trên.

[5]. Về án phí: Bị đơn vợ chồng anh T1, chị H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 4 Luật thương mại; Các Điều 463, 465, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 147, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T – Chi nhánh P

1. Buộc bị đơn vợ chồng anh Võ T1, chị Lê Thị Mỹ H phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng T – Chi nhánh P **352.351.874** đồng, (trong đó 299.999.976 đồng tiền gốc, 6.002.156 đồng tiền lãi trong hạn và 46.349.742 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) phát sinh từ số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T – Chi nhánh P thì lãi suất mà vợ chồng anh T1, chị H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T – Chi nhánh P theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T – Chi nhánh P

2. Trường hợp vợ chồng anh T1, chị H không trả được khoản tiền trên cho Ngân hàng T – Chi nhánh P, thì Ngân hàng T – Chi nhánh P có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 23838/21MB/HĐBĐ ngày 20/10/2021 để thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng 2.000.000 đồng nên cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền trên.

4. Về án phí: Buộc bị đơn vợ chồng anh T1, chị H phải chịu 17.617.593 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn lại cho nguyên đơn ngân hàng T – Chi nhánh P 8.203.288 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 010515 ngày 25/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T (2);
- THA DS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình